

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 61

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, hai mươi bảy (27) công ty con gián tiếp, hai (2) công ty liên kết và năm (5) chi nhánh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2019
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13.1. Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2019

Số tham chiếu: 60752790/21093043/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 61 bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 28.3 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo, vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty đã ghi nhận khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn tồn đọng với tổng giá trị là 8.165.396.713 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 7.203.785.884 ngàn VND). Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi đã không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định khả năng thu hồi của số dư nợ tồn đọng vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 2.162.148.086 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.176.011.448 ngàn VND) bao gồm trong các số dư trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục nói trên hay không và các ảnh hưởng nếu có đến báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (tiếp theo)

Ngoài ra, như được trình bày tại Thuyết minh số 26, trong kỳ Công ty đã ghi nhận một khoản thu nhập khác từ việc hoàn nhập số dư dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền là 142.895.860 ngàn VND. Việc trích lập này đã được thực hiện trong các năm trước căn cứ vào quy định tại Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP, quy định về quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 (“NĐ 20”). Công ty cũng không ghi nhận khoản dự phòng thuế TNDN tương tự cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 với số tiền là 95.531.160 ngàn VND. Nếu Công ty thực hiện việc ước tính và ghi nhận chi phí thuế TNDN theo hướng dẫn của NĐ 20 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, chỉ tiêu “Thu nhập khác” sẽ giảm với số tiền là 142.895.860 ngàn VND, chỉ tiêu “Chi phí thuế TNDN hiện hành” sẽ tăng với số tiền là 95.531.160 ngàn VND, chỉ tiêu “Lỗ trước thuế” và “Lỗ sau thuế” sẽ tăng với số tiền lần lượt là 142.895.860 ngàn VND và 238.427.020 ngàn VND. Đồng thời, chỉ tiêu “Lỗ lũy kế” và chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 sẽ tăng với cùng số tiền là 238.427.020 ngàn VND.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoài ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo soát xét độc lập của chúng tôi đề ngày 29 tháng 8 năm 2019 đã đưa ra kết luận ngoại trừ do chúng tôi không xác định được khả năng thu hồi của một số khoản phải thu và việc Tập đoàn hoàn nhập dự phòng thuế TNDN đã trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như không ghi nhận thêm dự phòng thuế TNDN của kỳ này theo hướng dẫn của NĐ 20. Kết luận của chúng tôi cũng trình bày đoạn nhấn mạnh về việc Tập đoàn vi phạm điều khoản vay ngân hàng và trái phiếu.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.627.754.008	3.251.095.303
110	I. Tiền		72.260.840	212.718.119
111	1. Tiền	4	72.260.840	212.718.119
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.484.975.928	2.968.015.884
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	127.398.032	148.062.928
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	253.035.091	53.223.639
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	3.430.248.219	1.685.257.537
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	835.117.227	1.092.715.724
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 7, 8	(160.822.641)	(11.243.944)
140	III. Hàng tồn kho	9	62.677.289	60.697.932
141	1. Hàng tồn kho		62.951.607	60.972.250
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(274.318)	(274.318)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		7.839.951	9.663.368
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		729.219	301.304
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.388.400	5.295.828
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.722.332	4.066.236
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		21.189.674.375	23.810.496.598
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.188.377.860	10.776.517.466
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	7.607.469.111	10.180.412.985
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	843.524.467	596.104.481
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	7,8	(262.615.718)	-
220	II. Tài sản cố định		207.205.942	212.651.784
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	178.722.586	183.522.505
222	Nguyên giá		303.032.454	301.198.226
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(124.309.868)	(117.675.721)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	28.483.356	29.129.279
228	Nguyên giá		40.450.152	40.450.152
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.966.796)	(11.320.873)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	36.485.086	37.104.803
231	1. Nguyên giá		42.073.202	42.073.202
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(5.588.116)	(4.968.399)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		9.752.230	9.583.389
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		9.752.230	9.583.389
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	12.737.282.495	12.763.110.626
251	1. Đầu tư vào công ty con		10.312.155.846	10.312.155.846
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		3.258.537.647	3.258.537.647
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.360.041	7.360.041
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(840.771.039)	(814.942.908)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10.570.762	11.528.530
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	10.570.762	11.068.748
262	2. Tài sản thuế hoãn lại	27.2	-	459.782
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		25.817.428.383	27.061.591.901

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		13.301.543.834	14.266.324.224
310	I. Nợ ngắn hạn		3.122.274.894	3.424.554.493
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	46.498.559	34.626.192
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	4.853.990	3.933.938
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.552.712	3.659.623
314	4. Phải trả người lao động		9.220.862	8.312.678
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	503.539.925	553.114.180
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		144.667	228.667
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.022.756.014	1.002.721.830
320	8. Vay ngắn hạn	20	532.604.655	1.817.853.875
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		10.179.268.940	10.841.769.731
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	1.261.908.511	1.374.149.901
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	1.505.370.476	570.075.796
338	3. Vay dài hạn	20	7.405.970.214	8.891.914.013
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.2	409.718	-
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.610.021	5.630.021
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.515.884.549	12.795.267.677
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	12.515.884.549	12.795.267.677
411	1. Vốn cổ phần		9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.263.858.784	3.263.858.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	5. Lỗ lũy kế		(301.862.368)	(22.479.240)
421a	- (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(22.479.240)	85.590.785
421b	- Lỗ trong kỳ		(279.383.128)	(108.070.025)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		25.817.428.383	27.061.591.901



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	48.408.407	63.705.500
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(44.429.598)	(59.252.149)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.978.809	4.453.351
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	580.153.236	786.240.617
22	5. Chi phí tài chính	24	(538.896.315)	(634.627.837)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(512.457.154)	(539.516.740)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(2.571.439)	(1.005.247)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(444.667.649)	(118.919.196)
30	8. Lỗ (lợi nhuận) thuần từ hoạt động kinh doanh		(402.003.358)	36.141.688
31	9. Thu nhập khác	26	145.468.907	269.890
32	10. Chi phí khác	26	(21.361.177)	(2.860.776)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác	26	124.107.730	(2.590.886)
50	12. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(277.895.628)	33.550.802
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	-	(65.230)
52	14. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.2	(869.500)	8.210.547
60	15. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(278.765.128)	41.696.119


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(277.895.628)	33.550.802
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	10, 11, 12	7.359.733	9.875.142
03	Các khoản dự phòng		438.022.546	101.541.580
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(270.398)	7.943.676
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(574.084.840)	(776.423.628)
06	Chi phí lãi vay	24	512.457.154	539.516.740
08	(Lợi nhuận) lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		105.588.567	(83.995.688)
09	Giảm các khoản phải thu		163.400.284	350.890.390
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(1.979.357)	16.933.966
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		1.078.029.253	(250.553.319)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		70.071	(211.227)
14	Tiền lãi vay đã trả		(521.680.906)	(136.032.764)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(1.927.750)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(618.000)	(14.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		820.882.162	(102.982.642)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(168.841)	(5.185.446)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		21.449.084	30.074
23	Tiền chi cho vay		(2.269.165.504)	(550.003.837)
24	Tiền thu hồi cho vay		3.097.180.335	516.750.924
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.550.000
27	Tiền thu lãi cho vay		223.064.058	148.762.519
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.072.359.132	112.904.234

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	102.100.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.033.698.573)	(83.735.100)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(2.033.698.573)	18.364.900
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(140.457.279)	28.286.492
60	Tiền đầu kỳ	4	212.718.119	13.297.086
70	Tiền cuối kỳ	4	72.260.840	41.583.578



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai và Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 218 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 285).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, hai mươi bảy (27) công ty con gián tiếp, hai (2) công ty liên kết và năm (5) chi nhánh với chi tiết như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp (%)</i>
Lĩnh vực thủy điện			
(1) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai (“DHA”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,40
(2) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu (“NK2”)	Viêng Chăn, Lào	Chờ thanh lý	99,40
(3) Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3 (“NK3”)	Attapeu, Lào	Chờ thanh lý	99,40
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Sài Gòn	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	99,00
Lĩnh vực nông nghiệp			
(5) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	68,10
(6) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	68,10
(7) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	66,58
(8) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	66,58
(9) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Đắc Lắc, Việt Nam	Đang hoạt động	67,78

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp (%)</i>
Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo)			
(10) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HAA")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	68,10
(11) Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	66,58
(12) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	68,10
(13) Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	68,10
(14) Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	68,10
(15) Công ty TNHH Hoàng Anh Ratanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	68,10
(16) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	67,42
(17) Công ty Cổ phần An Đông Mia	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	68,03
(18) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	68,03
(19) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang chờ thanh lý	68,07
(20) Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico	Ratanakiri, Campuchia	Đang chờ thanh lý	68,07
(21) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang chờ thanh lý	68,10
(22) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Đang chờ thanh lý	68,10
(23) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Đang chờ thanh lý	68,10
(24) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Đang chờ thanh lý	68,10
(25) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang chờ thanh lý	68,04
(26) Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,00
(27) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	98,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp (%)</i>
Lĩnh vực khai khoáng			
(28) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(29) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Kontum, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(30) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Attapeu, Lào	Ngưng hoạt động	99,40
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(31) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,85
(32) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(33) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	80,00
(34) Công ty TNHH V&H Corporation	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(35) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc			
Dịch vụ hàng hóa - xây dựng			
(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(3) Chi nhánh Chế biến hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
Quản lý bất động sản và khách sạn			
(4) Quản lý bất động sản Quy Nhơn	Quy Nhơn, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(5) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
Công ty liên kết			
Dịch vụ tư vấn			
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00
Lĩnh vực bất động sản			
(1) Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN")	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	47,89

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13.1. Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm máy vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc 50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

3.9 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán căn hộ

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cho thuê tài sản dài hạn

Công ty thay đổi chính sách kế toán từ việc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản dài hạn đã được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê trong các năm trước sang việc ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC:

- ▶ Thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản;
- ▶ Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- ▶ Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- ▶ Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- ▶ Công ty phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Tiền mặt tại quỹ	893.788	1.214.202
Tiền gửi ngân hàng	71.367.052	211.503.917
TỔNG CỘNG	72.260.840	212.718.119

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.455.912	47.677.813
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	36.665.422	34.415.390
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	26.379.185	60.258.805
Phải thu tiền bán căn hộ	3.897.513	5.710.920
TỔNG CỘNG	127.398.032	148.062.928
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh "TM" số 28.2)</i>	<i>117.638.977</i>	<i>138.649.839</i>
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>9.759.055</i>	<i>9.413.089</i>

Chi tiết tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Số đầu kỳ	11.243.944	6.894.038
<i>Cộng:</i> Tăng dự phòng lập trong kỳ	-	15.881.873
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(3.827.790)	-
Số cuối kỳ	7.416.154	22.775.911

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	253.035.091	53.223.639
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước bên liên quan (TM số 28.2)</i>	248.865.438	49.703.805
<i>Trả trước các bên khác</i>	4.169.653	3.519.834

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28.2) (i)	3.315.624.280	1.667.079.652
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	114.623.939	18.177.885
	<u>3.430.248.219</u>	<u>1.685.257.537</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (TM số 28.2) (i)	7.549.506.252	10.122.511.765
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	42.880.908	42.880.908
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	15.081.951	15.020.312
	<u>7.607.469.111</u>	<u>10.180.412.985</u>
TỔNG CỘNG	<u>11.037.717.330</u>	<u>11.865.670.522</u>

Chi tiết tình hình biến động dự phòng phải thu về cho vay khó đòi:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Số đầu kỳ	-	-
Cộng: Tăng dự phòng lập trong kỳ	314.479.774	-
Số cuối kỳ	<u>314.479.774</u>	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	53.092.286	-
<i>Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi</i>	261.387.488	-

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 12 năm 2023 và hưởng lãi suất từ 6,00% đến 13,00%/năm.

(ii) Khoản cho vay tín chấp các bên khác với thời hạn hoàn trả đến tháng 5 năm 2020 và hưởng lãi suất 13,00%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác mà Công ty và các công ty con phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Nợ gốc đầu kỳ (USD)	648.826	7.482.421
Giảm trong kỳ (USD)	-	(6.833.595)
Nợ gốc cuối kỳ (USD)	648.826	648.826
Nợ gốc (Ngàn VND)	15.081.951	15.020.312

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
		Ngàn VND
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	451.547.391	485.507.818
Phải thu lãi cho vay	367.313.793	327.125.093
Tạm ứng cho nhân viên	8.168.978	3.626.658
Cổ tức được chia	-	242.001.200
Phải thu khác	8.087.065	34.454.955
	<u>835.117.227</u>	<u>1.092.715.724</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	824.567.593	1.082.052.198
<i>Phải thu các bên khác</i>	10.549.634	10.663.526
Dài hạn		
Phải thu lãi cho vay	834.982.865	530.650.354
Phải thu khác	8.541.602	65.454.127
	<u>843.524.467</u>	<u>596.104.481</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	841.974.335	594.554.350
<i>Phải thu các bên khác</i>	1.550.132	1.550.131
TỔNG CỘNG	<u>1.678.641.694</u>	<u>1.688.820.205</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết tình hình biến động dự phòng phải thu khác khó đòi:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Số đầu kỳ	-	-
Cộng: Tăng dự phòng lập trong kỳ	101.542.431	-
Số cuối kỳ	101.542.431	-
Trong đó:		
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	100.314.201	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	1.228.230	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Giá trị các căn hộ sẵn sàng để bán (*)	32.002.629	32.002.629
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.367.626	19.519.569
Hàng hóa	7.356.075	7.279.617
Nguyên vật liệu	3.091.120	2.016.559
Công cụ, dụng cụ	75.821	95.315
Thành phẩm	58.336	58.561
TỔNG CỘNG	62.951.607	60.972.250
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(274.318)	(274.318)
GIÁ TRỊ THUẦN	62.677.289	60.697.932

(*) Toàn bộ giá trị các căn hộ sẵn sàng để bán đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vườn cây lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	227.147.150	28.703.459	35.531.753	3.018.364	6.689.440	108.060	301.198.226
Tăng khác	1.307.692	1.379.157	166.702	-	-	-	2.853.551
Thanh lý trong kỳ	(36.325)	-	(982.998)	-	-	-	(1.019.323)
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>228.418.517</u>	<u>30.082.616</u>	<u>34.715.457</u>	<u>3.018.364</u>	<u>6.689.440</u>	<u>108.060</u>	<u>303.032.454</u>
Giá trị khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	(62.270.199)	(20.394.839)	(25.456.829)	(2.787.871)	(6.689.440)	(76.543)	(117.675.721)
Khấu hao trong kỳ	(3.478.206)	(1.325.431)	(1.204.858)	(76.593)	-	(9.005)	(6.094.093)
Tăng khác	-	(1.379.157)	-	-	-	-	(1.379.157)
Thanh lý trong kỳ	36.325	-	802.778	-	-	-	839.103
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>(65.712.080)</u>	<u>(23.099.427)</u>	<u>(25.858.909)</u>	<u>(2.864.464)</u>	<u>(6.689.440)</u>	<u>(85.548)</u>	<u>(124.309.868)</u>
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>164.876.951</u>	<u>8.308.620</u>	<u>10.074.924</u>	<u>230.493</u>	<u>-</u>	<u>31.517</u>	<u>183.522.505</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>162.706.437</u>	<u>6.983.189</u>	<u>8.856.548</u>	<u>153.900</u>	<u>-</u>	<u>22.512</u>	<u>178.722.586</u>
<i>Trong đó:</i>							
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con</i>	162.706.437	6.983.189	5.331.477	-	-	-	175.021.103
<i>Giá trị nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết</i>	1.581.185	6.807.459	11.171.928	1.837.166	6.689.440	-	28.087.178

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2019	25.278.179	15.171.973	40.450.152
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	(11.320.873)	(11.320.873)
Hao mòn trong kỳ	-	(645.923)	(645.923)
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	-	(11.966.796)	(11.966.796)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	25.278.179	3.851.100	29.129.279
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	25.278.179	3.205.177	28.483.356
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các khoản vay của Công ty và công ty con</i>	25.278.179	-	25.278.179

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2019	27.072.022	15.001.180	42.073.202
Giá trị khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	(2.218.183)	(2.750.216)	(4.968.399)
Khấu hao trong kỳ	(369.697)	(250.020)	(619.717)
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	(2.587.880)	(3.000.236)	(5.588.116)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	24.853.839	12.250.964	37.104.803
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	24.484.142	12.000.944	36.485.086
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con</i>	24.484.142	12.000.944	36.485.086

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	2.176.120	2.603.991
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	619.717	619.714

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2019. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Đầu tư vào công ty con	10.312.155.846	10.312.155.846
Đầu tư vào công ty liên kết	3.258.537.647	3.258.537.647
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.360.041	7.360.041
TỔNG CỘNG	13.578.053.534	13.578.053.534
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(840.771.039)	(814.942.908)
GIÁ TRỊ THUẦN	12.737.282.495	12.763.110.626

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019			Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
		Tỷ lệ sở hữu/ Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu/ Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)
13.1 Đầu tư vào các công ty con							
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG")	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò	57,81	5.100.120.481	-	57,81	5.100.120.481	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	99,40	2.532.179.575	(754.840.239)	99,40	2.532.179.575	(729.012.108)
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Trồng trọt	98,00	2.477.146.000	-	98,00	2.477.146.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Bệnh viện	99,00	99.000.000	-	99,00	99.000.000	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Câu lạc bộ bóng đá	51,00	59.000.000	(59.000.000)	51,00	59.000.000	(59.000.000)
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	80,00	26.930.800	(26.930.800)	80,00	26.930.800	(26.930.800)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	100,00	17.778.990	-	100,00	17.778.990	-
TỔNG CỘNG			10.312.155.846	(840.771.039)		10.312.155.846	(814.942.908)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)
13.2 Đầu tư vào các công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN")	Bất động sản	47,89	3.253.537.647	47,89	3.253.537.647
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	5.000.000	25,00	5.000.000
TỔNG CỘNG			3.258.537.647		3.258.537.647
13.3 Đầu tư vào các công ty khác					
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	-	1.160.041
TỔNG CỘNG			7.360.041		7.360.041

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Tiền thuê đất trả trước	9.016.227	9.151.939
Công cụ, dụng cụ	648.688	909.734
Chi phí trả trước dài hạn khác	905.847	1.007.075
TỔNG CỘNG	10.570.762	11.068.748

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	45.888.559	34.016.192
Phải trả khác	610.000	610.000
TỔNG CỘNG	46.498.559	34.626.192
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	28.447.485	34.150.134
Phải trả các bên liên quan (TM số 28.2)	18.051.074	476.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Khách hàng thương mại trả tiền trước	2.844.407	1.932.764
Khách hàng dịch vụ xây dựng trả tiền trước	1.491.699	1.483.290
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	517.884	517.884
TỔNG CỘNG	4.853.990	3.933.938
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	2.852.956	2.105.950
<i>Các bên khác</i>	2.001.034	1.827.988

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2019
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.230	1.927.750	(1.927.750)	65.230
Thuế thu nhập cá nhân	3.344.797	2.126.268	(3.620.218)	1.850.847
Thuế giá trị gia tăng	249.596	8.570.769	(8.413.332)	407.033
Khác	-	950.490	(720.888)	229.602
TỔNG CỘNG	3.659.623	13.575.277	(14.682.188)	2.552.712

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	475.507.706	383.223.801
Chi phí phát hành trái phiếu	21.414.660	21.414.660
Chi phí hoạt động	6.585.159	5.579.859
Khác	32.400	142.895.860
	<u>503.539.925</u>	<u>553.114.180</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	1.261.908.511	1.374.149.901
TỔNG CỘNG	1.765.448.436	1.927.264.081
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	14.285.597	17.300.970
<i>Các bên khác</i>	1.751.162.839	1.909.963.111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn từ cá nhân và các công ty (**)	1.933.166.476	900.523.794
Phải trả do thu hộ	66.717.412	68.782.497
Phải trả các cá nhân khác	6.105.130	4.755.139
Phải trả hộ tiền thuê đất	4.070.503	4.070.503
Phí bảo trì căn hộ	2.473.496	9.573.496
Khác	10.222.997	15.016.401
	<u>2.022.756.014</u>	<u>1.002.721.830</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	1.944.265.560	899.390.923
<i>Phải trả các bên khác</i>	78.490.454	103.330.907
Dài hạn		
Phải trả tiền mượn từ cá nhân và các công ty (**)	992.255.980	65.000.000
Phải trả về hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") (*)	305.000.000	285.000.000
Phải trả do thu hộ	208.114.496	220.075.796
	<u>1.505.370.476</u>	<u>570.075.796</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	1.497.703.850	570.075.796
<i>Phải trả khác</i>	7.666.626	-
TỔNG CỘNG	<u>3.528.126.490</u>	<u>1.572.797.626</u>

(*) Thể hiện phần vốn góp nhận được từ các HĐHTKD được ký kết ngày 24 tháng 9 năm 2018 và ngày 29 tháng 3 năm 2019 với các cá nhân về việc hợp tác đầu tư vào các dự án trồng cây ăn trái của Tập đoàn. Các HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án với thời hạn hợp tác là ba (3) năm kể từ ngày hợp đồng.

(**) Số tiền này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các bên liên quan của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2019
Vay ngắn hạn				
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 20.1)	775.763.117	-	(303.158.462)	472.604.655
Trái phiếu thường đến hạn trả (TM số 20.2)	429.095.758	48.572	(369.144.330)	60.000.000
Vay ngắn hạn bên liên quan	612.995.000	-	(612.995.000)	-
	<u>1.817.853.875</u>	<u>48.572</u>	<u>(1.285.297.792)</u>	<u>532.604.655</u>
Vay dài hạn				
Trái phiếu thường (TM số 20.2)	8.516.093.277	4.938.084	(1.361.172.283)	7.159.859.078
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 20.1)	77.000.000	-	-	77.000.000
Vay dài hạn bên liên quan (TM số 20.3)	298.820.736	-	(129.709.600)	169.111.136
	<u>8.891.914.013</u>	<u>4.938.084</u>	<u>(1.490.881.883)</u>	<u>7.405.970.214</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.709.767.888</u>	<u>4.986.656</u>	<u>(2.776.179.675)</u>	<u>7.938.574.869</u>

20.1 Vay dài hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	249.898.198	553.056.660
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank")	299.706.457	299.706.457
TỔNG CỘNG	<u>549.604.655</u>	<u>852.763.117</u>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả	472.604.655	775.763.117
Vay dài hạn	77.000.000	77.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp	
	Nguyên tệ	USD				
	Ngàn VND	Ngàn VND	USD			
BIDV - Chi nhánh Gia Lai (*)	<u>249.898.198</u>	203.674.725	1.978.321	Từ ngày 9 tháng 6 năm 2019 đến ngày 20 tháng 10 năm 2019	VND: 11,60; USD: 9,28	7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty; 1 xe ô tô thuộc sở hữu của DHA; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng và khai thác 1.194,74 ha cao su tại Xã Pờ Tó, Huyện Ia pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên; Khu liên hợp học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai; Công trình Bệnh viện Đại học Y Dược HAGL.
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<u>249.898.198</u>					
HD Bank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	<u>299.706.457</u>	299.706.457	-	Từ ngày 1 tháng 8 năm 2019 đến ngày 30 tháng 8 năm 2020	11,57 -11,67	196.368.900 cổ phiếu HAN do Công ty sở hữu; 36.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT.
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<u>222.706.457</u>					
<i>Vay dài hạn</i>	<u>77.000.000</u>					

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty chưa thanh toán khoản vay đến hạn với số tiền là 63.514.923 ngàn VND theo lịch thanh toán trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	5.876.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	180.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC")	930.000.000	930.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("VPS")	-	991.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IBSC")	-	145.268.041
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ("FPTS") và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	-	594.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(66.140.922)	(71.079.006)
TỔNG CỘNG	<u>7.219.859.078</u>	<u>8.945.189.035</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	<i>7.159.859.078</i>	<i>8.516.093.277</i>
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	<i>60.000.000</i>	<i>429.095.758</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
BIDV và BSC	BIDV	<u>5.876.000.000</u>	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2019: 9,83)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Các quyền thuê đất như sau: 4.852,74 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; 9.996,9 ha (trồng cao su) tại Tỉnh Attapeu, Lào; 5.588 ha (trồng cao su) và 2.093 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; 9.380,9 ha (đã trồng 7.102 ha cọ dầu) tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas; 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Heng Brothers; 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia, thuộc sở hữu của Công ty TNHH CRD; Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên; Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; 44.926.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	<u>180.000.000</u>	Trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm doanh nghiệp kỳ hạn 13 tháng bằng VND cộng với biên độ 3,50 (2019: 11,20)	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2019 đến ngày 30 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su (Tỉnh Ratanakiri, Campuchia); dự án thủy điện Nậm Kông 2 (Tỉnh Attapeu, Lào) và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	12.960.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 13.405.675 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
<i>Trong đó:</i>						
	Trái phiếu dài hạn	120.000.000				
	Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	60.000.000				
ACBS	Công ty Cổ phần Việt Golden Farm (*)	<u>300.000.000</u>	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng của Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2019: 10,00)	Ngày 18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty.

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, hệ số thanh toán hiện hành của Tập đoàn đang nhỏ hơn một (1), vì phạm quy định trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là hệ số thanh toán hiện hành phải lớn hơn một (1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
PHUGIASC	HD Bank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	<u>930.000.000</u>	Lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần và bằng chi phí vốn VND 12 tháng do ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM cộng với biên độ 3,50 (2019: 12,51 - 12,57)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	74.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 36.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty.

20.3 Vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết vay dài hạn từ bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	<u>169.111.136</u>	5,00 - 10,00	Từ ngày 16 tháng 6 năm 2022 đến ngày 8 tháng 11 năm 2023	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	Tổng cộng
<i>Ngàn VND</i>						
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2018	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	86.517.785	12.904.264.702
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	41.696.119	41.696.119
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>9.274.679.470</u>	<u>3.263.858.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>279.895.303</u>	<u>128.213.904</u>	<u>12.945.960.821</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2019	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(22.479.240)	12.795.267.677
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(278.765.128)	(278.765.128)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Thư ký	-	-	-	-	(618.000)	(618.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>9.274.679.470</u>	<u>3.263.858.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>279.895.303</u>	<u>(301.862.368)</u>	<u>12.515.884.549</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	927.467.947	927.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>927.467.947</i>	<i>927.467.947</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	927.399.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>927.399.283</i>	<i>927.399.283</i>
Cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>68.664</i>	<i>68.664</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Doanh thu thuần	48.408.407	63.705.500
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	26.197.147	39.761.882
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	22.211.260	21.364.154
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	-	1.409.714
<i>Doanh thu từ bất động sản</i>	-	1.169.750
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	18.473.603	50.892.018
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	29.934.804	12.813.482

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Lãi cho vay và tiền gửi ngân hàng	567.635.941	534.422.428
Cổ tức được chia	11.880.000	242.001.200
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	637.295	9.816.989
TỔNG CỘNG	580.153.236	786.240.617
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	<i>566.634.142</i>	<i>752.392.077</i>
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>13.519.094</i>	<i>33.848.540</i>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Giá vốn dịch vụ cung cấp	21.745.625	36.393.053
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa đã bán	22.683.973	20.249.429
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	-	1.766.067
Giá vốn bất động sản	-	843.600
TỔNG CỘNG	44.429.598	59.252.149

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí lãi vay	512.457.154	539.516.740
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con	25.828.132	85.659.707
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	611.029	9.451.390
TỔNG CỘNG	538.896.315	634.627.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí bán hàng	2.571.439	1.005.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.785.012	334.957
Chi phí lương nhân viên	407.623	102.000
Chi phí bán hàng khác	378.804	568.290
Chi phí quản lý doanh nghiệp	444.667.649	118.919.196
Dự phòng phải thu khó đòi	412.334.415	4.696.652
Chi phí lương nhân viên	17.167.331	23.118.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.399.098	4.022.608
Chi phí khấu hao	3.686.713	1.230.618
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.080.092	85.850.903
TỔNG CỘNG	447.239.088	119.924.443

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Thu nhập khác	145.468.907	269.890
Hoàn nhập dự phòng (*)	142.895.860	-
Các khoản khác	2.573.047	269.890
Chi phí khác	21.361.177	2.860.776
Các khoản phạt	12.537.625	2.626.059
Lỗi thanh lý tài sản	5.431.101	-
Các khoản khác	3.392.451	234.717
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	124.107.730	(2.590.886)

(*) Số tiền này thể hiện việc hoàn nhập chi phí dự phòng thuế TNDN được trích trước và ghi nhận trong báo cáo tài chính tổng hợp của các năm trước lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được hoàn nhập trong kỳ. Trong các năm trước, do NĐ 20 mới được ban hành và Tập đoàn cũng chưa làm việc cụ thể với các cơ quan Nhà nước, do đó theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã tạm trích dự phòng thuế TNDN theo các hướng dẫn của Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ("NĐ 20") về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 5 năm 2017 để xác định thu nhập chịu thuế bao gồm số tiền lãi vay phát sinh trong kỳ mà vượt 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ. Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, Ban Giám đốc Công ty đã nghiên cứu các thông tin có liên quan và quyết định hoàn nhập số tiền đã ghi nhận trong báo cáo tài chính tổng hợp của các năm trước và cũng quyết định không ghi nhận thêm chi phí thuế TNDN ước tính của kỳ này với số tiền là 95.531.160 ngàn VND nếu áp dụng NĐ 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC (tiếp theo)

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, quy định tại Khoản 3, Điều 8 của NĐ 20 còn nhiều điểm bất hợp lý, có nhiều cách hiểu khác nhau gây khó khăn trong việc áp dụng trong thực tiễn và chưa đúng bản chất của Nghị định là chống chuyển giá. Ban Giám đốc vẫn đang trao đổi và kiến nghị với Kiểm toán Nhà nước, Tổng Cục Thuế, Bộ Tài chính và Văn phòng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh hay thay đổi NĐ 20, chi tiết tiến trình làm việc của Ban Giám đốc với các cơ quan Nhà nước được tóm tắt như sau:

- Ngày 11 tháng 12 năm 2017, Công ty đã gửi Công văn số 115/2017/CV-HAG đến Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng Cục Thuế, và Cục thuế Tỉnh Gia Lai về việc đề nghị giải đáp một số vướng mắc của Công ty về việc xác định tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay và chi phí khấu hao trong kỳ;
- Ngày 28 tháng 12 năm 2018, theo Biên bản về việc xử lý kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước KV XII tại Cục Thuế Tỉnh Gia Lai, mà theo đó, Kiểm toán Nhà nước kiến nghị tăng thu số tiền thuế TNDN và tiền phạt đối với Công ty dựa trên việc tính toán lại thu nhập chịu thuế TNDN theo hướng dẫn của NĐ 20 với số tiền là 106.470.415 ngàn VND. Công ty cũng đã nêu lên kiến nghị với Cục Thuế tỉnh Gia Lai và Kiểm toán Nhà nước khu vực XII xem xét lại và không truy thu thuế TNDN nói trên;
- Ngày 29 tháng 3 năm 2019, trong Công văn số 76/KV XII-TH trả lời cho Công văn số 2812/18/CV-HAGL của Công ty đề ngày 28 tháng 12 năm 2018, Kiểm toán Nhà nước trình bày quan điểm tính thuế TNDN của Kiểm toán Nhà nước là theo hướng dẫn của NĐ 20 về mức lãi vay được trừ khi tính thuế TNDN; đồng thời đề nghị Công ty kiến nghị Bộ Tài chính và Chính phủ xem xét;
- Ngày 17 tháng 6 năm 2019, trong Công văn số 17062019/CV-HAGL, Công ty đã gửi kiến nghị đến Chính phủ, Bộ Tài chính xem xét những điều bất hợp lý tại Khoản 3, Điều 8 của NĐ 20; và
- Ngày 1 tháng 8 năm 2019, theo Công văn số 3003/TCT-DNL của Tổng Cục thuế trả lời Công văn số 17062019/CV-HAGL ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Công ty, Tổng Cục Thuế đã phản hồi Công ty rằng Tổng Cục Thuế đã nhận được Công văn kiến nghị của Công ty liên quan đến quy định giới hạn chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định của NĐ 20 và Tổng Cục Thuế cũng đã nghiên cứu, tổng hợp để tham mưu với Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo. Đồng thời, Tổng Cục Thuế tiếp tục nghiên cứu các kiến nghị, đề xuất của Công ty để trình Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế NĐ 20 cùng với các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 2020.

Tại ngày của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, NĐ 20 vẫn chưa được sửa đổi hoặc thay thế và Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan Nhà nước về vấn đề này. Tuy nhiên, dựa vào các thông tin hiện có về các ý kiến chỉ đạo của Chính phủ và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, Công ty tin chắc rằng NĐ 20 sẽ được sửa đổi trong thời gian sớm nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	65.230
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	869.500	(8.210.547)
TỔNG CỘNG	869.500	(8.145.317)

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu (lỗ) lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế tính thuế:

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(277.895.628)	33.550.802
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Chi phí không được khấu trừ	285.262.605	86.336.719
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(519.710)	25.170.862
Thu nhập cổ tức	(11.880.000)	(242.001.200)
Lỗ tính thuế ước tính trong kỳ hiện hành	(5.032.733)	(96.942.817)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	-	-
Thuế TNDN hiện hành của hoạt động bất động sản	-	65.230
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	-	65.230
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	65.230	45.838.212
Thuế TNDN truy thu của kỳ trước	1.927.750	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(1.927.750)	-
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (TM số 17)	65.230	45.903.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	503.625	1.269.183	(765.558)	3.176.375
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(913.343)	(809.401)	(103.942)	5.034.172
(Thuế thu nhập hoãn lại phải trả) tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(409.718)	459.782	(869.500)	8.210.547
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(869.500)	8.210.547

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 657.819.983 ngàn VND (2018: 652.787.250 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ		Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019
			đến ngày 30 tháng 6 năm 2019	Không được chuyển lỗ	
2017	2022	474.901.783	-	-	474.901.783
2018	2023	177.885.467	-	-	177.885.467
Sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	2024	5.032.733	-	-	5.032.733
TỔNG CỘNG		657.819.983	-	-	657.819.983

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

28.1 Giao dịch trong kỳ

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Mượn tiền	1.743.192.964	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Cho vay Lãi cho vay	564.103.000 106.000.840	- -
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hồi gốc cho vay	1.456.668.876	-
		Thu hồi lãi cho vay	215.831.159	-
		Lãi cho vay	124.783.087	40.435.131
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.131.968	34.183.275
		Mua hàng hóa	17.675.989	10.975.969
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	211.174.037	196.295.799
		Cho vay	66.625.886	239.371.500
		Thu hồi gốc cho vay	15.300.000	32.730.373
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	10.758.190	3.683.960
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	11.024.517	42.373.933
		Cho vay	4.209.929	100.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	45.648.129	58.813.045
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	200.225.651	-
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Lãi cho vay	25.457.798	5.331.174
		Thu hồi gốc vay	305.743.498	-
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	7.836.947	7.836.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.1 Giao dịch trong năm (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	9.891.203	9.891.203
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	7.571.832	7.571.832
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết	Cho vay Lãi cho vay	24.782.000 4.650.914	- 90.534.554
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Góp vốn BCC	20.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	-	55.442.209
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	-	12.631.212
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	-	13.828.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)				
Nhóm nợ tồn đọng lớn (*)	Bên liên quan	(*)	47.751.266	62.613.584
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến hoa quả	Công ty con	Thanh lý tài sản cố định Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	26.379.185 6.897.384	34.252.185 6.826.016
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	12.988.014	13.026.522
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.105.241	7.086.336
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng Cung cấp dịch vụ	2.630.603 1.010.461	2.930.603 1.010.461
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.147.978	3.815.536
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.371.547	2.311.412
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.389.308	1.393.695
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	2.967.990	3.383.489
TỔNG CỘNG			117.638.977	138.649.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5) (tiếp theo)

(*) Số dư chi tiết nhóm nợ tồn đọng lớn như sau:

Các bên liên quan	Giao dịch	Ngàn VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.812.599	988.185
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.595.944	27.595.944
	Bán hàng hóa	2.180.959	2.180.959
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.501.714	5.501.714
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	658.230	26.346.782
Các công ty khác	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.820	-
TỔNG CỘNG		47.751.266	62.613.584

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	248.865.438	49.703.805

Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7)				
Nhóm nợ tồn đọng lớn (**)	Các công ty liên quan	(**)	1.280.886.957	489.039.660
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	6,00 -11,50	1.841.722.000	983.468.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết	9,00 - 10,50	108.635.000	82.203.000
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	-	53.092.286	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	-	11.090.000	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	-	8.259.000	-
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	-	6.123.820	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Công ty liên quan	-	5.815.217	5.815.216
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên (*)	Công ty liên quan trước đây	-	-	56.653.075
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	-	-	49.900.701
TỔNG CỘNG			3.315.624.280	1.667.079.652

(*) Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019, Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây nguyên không còn là bên liên quan của Công ty.

(**) Số dư chi tiết nhóm nợ tồn đọng lớn như sau:

Các bên liên quan	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	9,75 - 12,00	1.068.890.232	313.312.864
Công ty TNHH An Tiến	10,00	93.000.000	93.000.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	12,00	86.936.725	82.726.796
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	10,00	32.000.000	-
Công ty Cổ phần Lê Me	-	60.000	-
TỔNG CỘNG		1.280.886.957	489.039.660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 7)				
Nhóm nợ tồn đọng lớn (**)	Các công ty liên quan	(**)	5.917.594.430	6.095.915.458
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	9,75 - 12,50	849.513.068	849.513.068
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	-	265.363.936	259.169.936
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	-	254.588.725	-
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	10,00	209.045.390	514.788.888
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	12,50	49.900.703	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt May	Công ty liên quan	10,00	3.000.000	5.590.000
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	12,00	500.000	500.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	-	-	2.314.922.877
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	-	-	53.092.286
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên (*)	Công ty liên quan trước đây	-	-	22.895.432
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	-	-	6.123.820
TỔNG CỘNG			<u>7.549.506.252</u>	<u>10.122.511.765</u>

(*) Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019, Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây nguyên không còn là bên liên quan của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 7) (tiếp theo)

(**) Số dư chi tiết nhóm nợ tồn đọng lớn như sau:

Các bên liên quan	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	9,75 - 12,00	3.175.716.990	3.884.249.304
Công ty Cổ phần Lê Me	11,50	2.091.390.311	1.527.347.312
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	10,00	196.731.113	196.731.113
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	10,00	123.872.977	155.872.977
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	10,00	145.168.287	147.000.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	12,00	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	10,00	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	13,00	34.714.752	34.714.752
TỔNG CỘNG		5.917.594.430	6.095.915.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)				
Nhóm nợ tồn đọng lớn (*)	Các công ty liên quan	(*)	273.326.231	227.225.509
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay	390.945.898 -	390.908.138 4.764.824
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	99.469.183 2.349.938	99.469.183 845.021
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	40.298.369	39.770.165
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	5.841.439 -	5.408.925 22.020.585
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết	Lãi cho vay	5.542.505	891.591
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xê kông	Công ty con	Chi trả hộ	3.737.881	3.722.605
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện	Công ty liên quan	Chi trả hộ	1.177.000	1.177.000
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Cổ tức	-	242.001.200
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	-	35.863.667
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	-	5.893.816
Các bên khác	Bên liên quan	Khác	1.879.149	2.089.969
TỔNG CỘNG			824.567.593	1.082.052.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8) (tiếp theo)

(*) Số dư chi tiết nhóm nợ tồn đọng lớn như sau:

Các bên liên quan	Giao dịch	Ngàn VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Lãi cho vay	169.268.167	157.007.722
	Chi trả hộ	2.619.183	2.619.183
Công ty TNHH An Tiến	Lãi cho vay	35.911.304	31.235.470
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Lãi cho vay	44.020.968	19.847.708
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Chi trả hộ	12.624.059	12.624.059
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Lãi cho vay	6.673.295	1.682.112
	Chi trả hộ	2.192.000	2.192.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Lãi cho vay	17.255	17.255
TỔNG CỘNG		273.326.231	227.225.509

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu dài hạn khác (TM số 8)				
Nhóm nợ tồn đọng lớn (*)	Các công ty liên quan	(*)	645.837.829	328.991.673
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	115.003.022	69.354.893
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Lãi cho vay	65.067.943	39.610.145
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Lãi cho vay	7.900.944	-
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty con	Chi trả hộ	5.807.788	5.807.788
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	-	91.531.259
		Chi trả hộ	-	56.912.526
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	2.356.809	2.346.066
TỔNG CỘNG			841.974.335	594.554.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Phải thu dài hạn khác (TM số 8) (tiếp theo)

(*) Số dư chi tiết nhóm nợ tồn đọng lớn như sau:

Các bên liên quan	Giao dịch	Ngàn VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Lãi cho vay	333.858.289	146.857.511
Công ty Cổ phần Lê Me	Lãi cho vay	135.099.625	29.098.785
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Lãi cho vay	50.601.531	43.040.917
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Lãi cho vay	42.359.763	32.468.560
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Lãi cho vay	29.130.743	26.861.748
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Lãi cho vay	21.744.912	26.168.409
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	Lãi cho vay	20.488.889	17.975.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Lãi cho vay	12.554.077	6.520.743
TỔNG CỘNG		645.837.829	328.991.673

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15)				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	9.586.117	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	7.926.384	-
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	538.573	476.058
TỔNG CỘNG			18.051.074	476.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 16)				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến hoa quả	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	1.161.671	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	1.018.201	1.021.804
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Nhận ứng trước dịch vụ xây dựng	673.084	473.084
Các công ty khác	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	611.062
TỔNG CỘNG			2.852.956	2.105.950
Chi phí phải trả (TM số 18)				
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay	14.285.597	10.909.847
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi vay	-	6.391.123
TỔNG CỘNG			14.285.597	17.300.970

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 19)				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Mượn tạm	1.500.032.707	-
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tạm	369.178.461	369.668.231
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Thu hộ	22.769.750	22.769.750
Bà Đoàn Thị Nguyễn Nguyễn	Bên liên quan	Mượn tạm	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Công ty con	Thu hộ	7.749.113	7.847.890
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tạm	7.397.802	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Mượn tạm	6.450.000	6.450.000
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Thu hộ	3.814.000	3.823.162
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty con	Thu hộ	3.323.700	3.323.700
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Mượn tạm	-	400.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hộ Mượn tạm	- -	1.393.535 11.860.372
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hộ	-	13.396.900
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết	Thu hộ	-	13.851.144
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hộ	-	6.051.722
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Thu hộ	-	3.102.699
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Thu hộ	-	2.402.765
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Thu hộ	-	1.852.787
Các công ty khác	Bên liên quan	Thu hộ	3.550.027	11.596.266
TỔNG CỘNG			1.944.265.560	899.390.923

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải trả dài hạn khác (TM số 19)				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Mượn tạm Hợp tác kinh doanh	992.255.980	-
			180.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	198.388.722	198.388.722
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng giám đốc	Hợp tác kinh doanh	105.000.000	105.000.000
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Hợp tác kinh doanh	20.000.000	-
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Mượn tạm Chi trả hộ	-	65.000.000
			-	11.961.300
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Công ty liên quan	Chi trả hộ	-	7.666.626
Các bên khác	Bên liên quan	Chi trả hộ	2.059.148	2.059.148
TỔNG CỘNG			1.497.703.850	570.075.796

28.3 Nhóm nợ tồn đọng lớn (trích từ TM số 28.2)

Theo giao dịch phát sinh:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu về cho vay dài hạn	5.917.594.430	6.095.915.458
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.280.886.957	489.039.660
Phải thu dài hạn khác	645.837.829	328.991.673
Phải thu ngắn hạn khác	273.326.231	227.225.509
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	47.751.266	62.613.584
TỔNG CỘNG	8.165.396.713	7.203.785.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.3 Nhóm nợ tồn đọng lớn (trích từ TM số 28.2) (tiếp theo)

Theo đối tượng phát sinh công nợ:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	4.634.299.078	4.365.255.572
Công ty Cổ phần Lê Me	2.226.549.936	1.556.446.096
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	349.505.239	341.668.291
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	239.108.131	229.216.928
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	225.546.721	219.817.820
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	209.016.147	219.468.434
Công ty TNHH An Tiến	128.911.304	124.235.470
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xây dựng Phúc Bảo Minh	70.488.889	67.975.000
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	63.845.495	61.576.500
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	12.624.059	12.624.059
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	5.501.714	5.501.714
TỔNG CỘNG	<u>8.165.396.713</u>	<u>7.203.785.884</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, các khoản phải thu tồn đọng lớn nói trên được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức và tài sản của một số công ty, cá nhân liên quan khác.

28.4 Các giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký trong kỳ như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
<i>Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc</i>		
Lương, thưởng và thù lao	5.146.608	10.966.200
<i>Ban kiểm soát</i>		
Lương, thưởng và thù lao	474.000	1.008.000
<i>Ban thư ký</i>		
Lương, thưởng và thù lao	106.154	401.333
TỔNG CỘNG	<u>5.726.762</u>	<u>12.375.533</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê các lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây khác. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Dưới 1 năm	1.301.822	1.301.822
Từ 1 đến 5 năm	5.207.288	5.207.288
Trên 5 năm	36.290.945	36.936.506
TỔNG CỘNG	42.800.055	43.445.616

Cam kết góp vốn đầu tư

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có các cam kết góp vốn vào các HĐHTKD liên quan đến các dự án chăn nuôi bò và lĩnh vực điện như sau:

Công ty	Ngàn VND		
	Giá trị theo hợp đồng	Giá trị đã ghi nhận	Giá trị cam kết còn lại
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	650.000.000	468.970.000	181.030.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Sài Gòn	49.500.000	-	49.500.000
TỔNG CỘNG	699.500.000	468.970.000	230.530.000

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2019